

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018	12 - 37
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	38



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 22 ngày 03 tháng 07 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 350.133.990.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ một trăm ba mươi ba ngàn chín trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HAX theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

51281
ÔNG
+ NHIỆM
TOÁN V
I UẨN
- TP. H

2. Trụ sở hoạt động• **Trụ sở chính**

Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : + 84 (28) 3 5120 026

Fax : + 84 (28) 3 5120 025

Mã số thuế : 0 3 0 2 0 0 0 1 2 6

• **Thông tin về chi nhánh**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

• **Thông tin về Công ty con**

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	76,20%	76,20%	76,20%
Công ty cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	92,72%	92,72%	92,72%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	28/03/2016	-
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	24/03/2015	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	09/04/2016	-
Ông Lê Đình Việt	Thành viên	15/04/2017	-
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	28/03/2016	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Chu Thị Ngọc Huyền	Trưởng Ban	15/04/2017	-
Bà Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	15/04/2017	-
Bà Lê Thị Mỹ Chi	Thành viên	09/04/2016	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	06/05/2013	-
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2013	-
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	15/04/2017	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	06/05/2013	-

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ từ trang 08 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.



9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

030
TRẮC
KIỂM
CH
5

030
C
C
D
H
TH



Số: 2312/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ rằng, phạm vi của báo cáo tài chính riêng này chỉ phản ánh tình hình tài chính riêng và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả kinh doanh riêng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018. Việc hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKH kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.179.721.331.383	1.130.315.406.093
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	39.828.544.542	66.286.111.640
111	1. Tiền		39.828.544.542	66.286.111.640
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		450.772.751.156	400.766.862.310
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	435.561.699.573	384.519.598.482
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	10.157.186.386	11.165.088.797
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	6.379.984.852	6.408.294.686
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(1.326.119.655)	(1.326.119.655)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	657.155.172.443	625.357.879.584
141	1. Hàng tồn kho		657.155.172.443	625.357.879.584
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		31.964.863.242	37.904.552.559
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	4.440.157.739	1.954.350.566
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		27.122.056.736	35.504.626.224
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	402.648.767	445.575.769
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		311.110.052.586	283.005.863.730
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.000.000	8.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	8.000.000	8.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		206.876.877.661	176.275.181.747
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	191.890.287.442	160.818.218.240
222	- Nguyên giá		241.748.648.766	204.358.207.288
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.858.361.324)	(43.539.989.048)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	14.986.590.219	15.456.963.507
228	- Nguyên giá		17.352.936.169	17.352.936.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.366.345.950)	(1.895.972.662)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.10	99.239.345.204	99.239.345.204
251	1. Đầu tư vào công ty con		116.956.709.500	116.956.709.500
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.717.364.296)	(17.717.364.296)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.985.829.721	7.483.336.779
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	4.985.829.721	7.483.336.779
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.490.831.383.969	1.413.321.269.823

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.093.954.330.169	1.018.706.320.521
310	I. Nợ ngắn hạn		1.093.954.330.169	1.018.706.320.521
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	47.457.363.405	100.150.389.002
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	66.391.345.742	55.505.782.421
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	8.400.435.614	6.657.817.097
314	4. Phải trả người lao động		4.992.853.760	5.137.308.032
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.354.886.770	207.131.261
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	3.468.319.637	7.321.717.915
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	961.889.125.241	843.726.174.793
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.16	396.877.053.800	394.614.949.302
410	I. Vốn chủ sở hữu		396.877.053.800	394.614.949.302
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		350.133.990.000	233.424.330.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		350.133.990.000	233.424.330.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	63.704.711.919
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	4.249.042.783
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.743.063.800	93.236.864.600
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		9.467.309.818	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		37.275.753.982	93.236.864.600
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.490.831.383.969	1.413.321.269.823

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám Đốc

ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.168.154.383.993	1.845.185.326.459
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	1.626.363.636
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.168.154.383.993	1.843.558.962.823
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.071.519.200.571	1.794.435.286.497
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.635.183.422	49.123.676.326
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	241.326.349	53.446.513
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	17.218.316.066	13.578.999.784
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		17.165.481.494	14.412.207.510
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	51.345.043.961	41.077.680.797
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	21.526.608.551	16.331.156.519
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.786.541.193	(21.810.714.261)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	40.199.096.333	53.437.590.265
32	12. Chi phí khác	VI.8	390.944.803	10.039.985
40	13. Lợi nhuận khác		39.808.151.530	53.427.550.280
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.594.692.723	31.616.836.019
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	9.318.938.741	6.357.824.293
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.275.753.982	25.259.011.726

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ THANH HÀNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIẾN DŨNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		46.594.692.723	31.616.836.019
	2. Điều chỉnh cho các khoản		27.512.785.194	20.089.057.429
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		13.884.220.190	12.499.198.546
03	- Các khoản dự phòng		-	(854.117.387)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.536.916.490)	(5.968.231.240)
06	- Chi phí lãi vay		17.165.481.494	14.412.207.510
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		74.107.477.917	51.705.893.448
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(41.580.392.356)	(27.291.783.248)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(172.560.247.951)	(220.594.396.778)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(44.848.124.911)	(136.398.696.417)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.699.885	(5.261.077.178)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.165.481.494)	(14.412.207.510)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.639.665.614)	(11.759.992.815)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(209.674.734.524)	(364.012.260.498)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.203.887.272)	(93.809.295.222)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		107.017.842.750	51.280.040.003
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	53.446.513
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		99.813.955.478	(42.475.808.706)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ di vay		2.324.735.519.438	1.845.420.670.907
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.206.572.568.990)	(1.419.670.725.070)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(34.759.738.500)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		83.403.211.948	425.749.945.837
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(26.457.567.098)	19.261.876.633
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		66.286.111.640	29.021.135.292
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	39.828.544.542	48.283.011.925

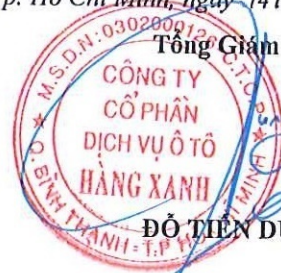
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIẾN DŨNG

Bảo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại – Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rền, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	76,20%	76,20%	76,20%
2. Công ty cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	92,72%	92,72%	92,72%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
3. Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính Công ty có 513 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 496 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

14. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là xe ô tô, phụ tùng, ...

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô,...

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	9.299.191.002	16.701.908.067
Tiền gửi ngân hàng	30.529.353.540	49.584.203.573
Cộng	39.828.544.542	66.286.111.640

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	31.674.244.579	45.043.390.114
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	31.474.424.119	44.911.009.220
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	199.820.460	132.380.894
Phải thu các khách hàng khác	403.787.454.995	339.476.208.368
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	128.724.213.900	166.903.868.433
Các khách hàng khác	275.163.241.094	172.572.339.935
Cộng	435.561.699.573	384.519.598.482

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	10.157.186.386	11.165.088.797
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	6.590.920.903	6.959.702.937
Công ty Cổ phần Thiết bị Tân Minh Giang	1.414.442.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.151.823.483	4.205.385.860
Cộng	10.157.186.386	11.165.088.797

(*) Là khoản ứng trước tiền thuê mặt bằng theo Hợp đồng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05/07/2010.

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.416.932.772	-	1.857.314.292	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	1.766.932.772	-	1.207.314.292	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	650.000.000	-	650.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.963.052.080	-	4.550.980.394	-
Các khoản tạm ứng của nhân viên	2.476.851.596	-	3.103.999.068	-
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	857.841.201	-	770.930.118	-
Các đối tượng khác	628.359.283	-	676.051.208	-
Cộng	6.379.984.852	-	6.408.294.686	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. Nợ xấu ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ^(*)
Các bên liên quan	650.000.000	-	650.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (phải thu lãi cho vay)	650.000.000	-	650.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác	676.119.655	-	676.119.655	-
Công ty Cổ phần Minh Thắng (phải thu thương mại)	447.577.960	-	447.577.960	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng PVV Sài Gòn (phải thu thương mại)	105.454.400	-	105.454.400	-
Bà Nguyễn Thị Đình Chiến (phải thu Thương mại)	45.350.000	-	45.350.000	-
Bà Võ Thị Thu Phượng (phải thu thương mại)	42.692.000	-	42.692.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba (phải thu thương mại)	35.045.295	-	35.045.295	-
Cộng	1.326.119.655	-	1.326.119.655	-

^(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu hạn khó đòi như sau:**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.326.119.655)	(1.131.119.655)
Trích lập dự phòng	-	(195.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(1.326.119.655)	(1.326.119.655)

6. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	53.206.296.940	-	47.279.409.600	-
Công cụ, dụng cụ	180.000	-	85.810.000	-
Chi phí SXKD dở dang ⁽²⁾	11.155.121.778	-	11.745.828.396	-
Hàng hóa ⁽³⁾	592.793.573.725	-	566.246.831.588	-
Cộng	657.155.172.443	-	625.357.879.584	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

(1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là phụ tùng xe ô tô.

(2) Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng

(3) Hàng hóa chủ yếu là xe ô tô. Trong đó hàng tồn kho đang thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 573.299.005.916 đồng (chi tiết xem thuyết minh tại mục V.15).

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.854.700.929	816.352.937
Phí bảo hiểm cháy nổ	508.629.481	223.875.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.076.827.329	914.122.629
Cộng	4.440.157.739	1.954.350.566

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.231.738.416	1.848.742.116
Công cụ dụng cụ	2.992.429.668	4.491.400.679
Chi phí thuê server FPT	65.959.499	99.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	695.702.138	1.044.193.984
Cộng	4.985.829.721	7.483.336.779

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

Một số tài sản cố định hữu hình là tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 0 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương (xem tại thuyết minh mục V.15).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	5.706.519.369	17.352.936.169
Tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối kỳ	8.848.836.800	2.797.580.000	5.706.519.369	17.352.936.169
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	510.099.480	510.099.480
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	568.841.265	1.327.131.397	1.895.972.662
Tăng trong năm	-	284.420.632	185.952.656	470.373.288
- Khấu hao trong năm	-	284.420.632	185.952.656	470.373.288
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	853.261.897	1.513.084.053	2.366.345.950
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.228.738.735	4.379.387.972	15.456.963.507
Số cuối kỳ	8.848.836.800	1.944.318.103	4.193.435.316	14.986.590.219

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 11.077.575.535 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương (xem tại thuyết minh mục V.15).

10. Đầu tư tài chính dài hạn

Là các khoản đầu tư vào công ty con. Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ ⁽¹⁾	22.561.150.000	9.278.018.469	(13.283.131.531)	22.561.150.000	9.278.018.469	(13.283.131.531)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM ⁽²⁾	94.395.559.500	89.961.326.735	(4.434.232.309)	94.395.559.500	89.961.326.735	(4.434.232.309)
Cộng	116.956.709.500	99.239.345.204	(17.717.363.840)	116.956.709.500	99.239.345.204	(17.717.363.840)

⁽¹⁾ Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là cho thuê mặt bằng và sửa chữa xe Ô tô. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 76,20% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 76,20%).

⁽²⁾ Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là cho thuê xe Ô tô hiệu Mercedes-Benz. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là 92,72% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 92,72%).

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó. Trong đó dự phòng tổn thất của các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

đầu tư được tính theo hướng dẫn điều 5 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung điều 5 của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (do không có giá giao dịch).

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
+ Doanh thu bán phụ tùng và máy móc	879.717.286	2.012.821.235
+ Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ khác	545.454.546	910.608.074
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM		
+ Doanh thu bán xe	38.394.545.454	33.163.421.947
+ Chi phí thuê mặt bằng	1.527.272.728	1.527.272.727
+ Chi phí thuê xe		90.000.000
+ Chi phí lãi vay		343.750.000

11. Phải trả người bán ngắn hạn**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

<u>Chi tiết</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.462.218.183	716.422.775
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	-	81.007.322
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	1.462.218.183	635.415.453
Phải trả nhà cung cấp khác	45.995.145.222	99.433.966.227
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	38.603.379.062	92.177.358.079
Công ty Cổ phần Viện Máy và Dụng Cụ Công Nghiệp	3.817.309.129	3.565.620.890
Các nhà cung cấp khác	3.574.457.031	3.690.987.258
Cộng	47.457.363.405	100.150.389.002

11b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong kỳ.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

<u>Chi tiết</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	66.391.345.742	55.505.782.421
Người mua trả trước tiền mua xe ô tô	60.936.395.578	51.876.261.826
Người mua trả trước tiền sửa chữa và dịch vụ khác	5.454.950.164	3.629.520.595
Cộng	66.391.345.742	55.505.782.421

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

312
CỘNG
HÒA
TOÁN
HỮU
TP

11/06/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	18.741.677	-	121.414.249	(102.672.572)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.628.923.824	9.318.938.741	(7.639.665.614)	-	8.308.196.951
Thuế thu nhập cá nhân	-	28.893.273	3.144.952.665	(3.081.607.275)	-	92.238.663
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	426.834.092	-	24.185.325	-	402.648.767	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Cộng	445.575.769	6.657.817.097	12.615.490.980	(10.829.945.461)	402.648.767	8.400.435.614

13a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

13b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.594.692.723	31.616.836.019
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	172.285.446
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	172.285.446
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	46.594.692.723	31.789.121.465
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	46.594.692.723	31.789.121.465
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	9.318.938.741	6.357.824.293
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.318.938.741	6.357.824.293

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

14. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bên liên quan	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	-	50.000.000
Các đối tượng khác	3.468.319.637	7.271.717.915
Kinh phí công đoàn	384.304.228	402.254.240
Các khoản bảo hiểm phải nộp	391.098.102	9.526.417
Cổ tức phải trả	340.786.200	86.875.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.352.131.107	6.773.062.058
Cộng	3.468.319.637	7.321.717.915

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	961.889.125.241	961.889.125.241	843.726.174.793	843.726.174.793
+ Vay ngân hàng TMCP				
Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ⁽¹⁾	363.679.849.989	363.679.849.989	293.561.056.800	293.561.056.800
+ Ngân hàng TNHH Standard Chartered Việt Nam ⁽²⁾	190.657.485.497	190.657.485.497	207.888.625.185	207.888.625.185
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽³⁾	187.505.773.092	187.505.773.092	187.983.773.891	187.983.773.891
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽⁴⁾	216.437.960.113	216.437.960.113	97.136.677.407	97.136.677.407
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 4 ⁽⁵⁾	-	-	50.512.179.063	50.512.179.063
+ Ngân hàng Quốc tế VIB - Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh ⁽⁶⁾	3.608.056.550	3.608.056.550	6.643.862.447	6.643.862.447
Cộng	961.889.125.241	961.889.125.241	843.726.174.793	843.726.174.793

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- (1) Là khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 170022/NHNTHD ngày 24/03/2017 của Ngân TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
 - Lãi suất vay: Tùy từng khế ước nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo:
 - + Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở số 797652693800199; Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 10;
 - + Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở số 797652693800186; Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 10;
 - + Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở số BD760617; Thửa đất số 21, tờ bản đồ số MB;
 - + Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở số 797652693800205; Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 10;
 - + Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu công trình số AK 448642; Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10;
 - + Hàng tồn kho là xe ô tô nhãn hiệu Mercedes - Benz các loại mới 100% hoặc/và xe ô tô tải nhãn hiệu Fuso các loại mới 100%.
- (2) Là khoản vay theo Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/072017-779 ngày 16/08/2017 của Ngân hàng TNHH Standard Chartered Việt Nam.
- Mục đích vay: Tài trợ hóa đơn hàng hóa;
 - Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
 - Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay là các hàng hóa liên quan đến hóa đơn mà Ngân hàng TNHH Standard Chartered Việt Nam đã thanh toán cho Công ty Mercedes - Benz Việt Nam.
- (3) Là khoản vay theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích tín dụng chung VNM 151321 và bản sửa đổi bổ sung Thỏa thuận chung về tiện ích bản sửa đổi số 05 VNM 171507 ngày 04/07/2017.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Lãi suất vay: Tùy từng lần nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Hàng tồn kho là xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz và phụ tùng của Công ty.
- (4) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 170710023/2017-HĐCVHM/NHCT923-HAXACO ngày 31/03/2017.
- Mục đích vay: Tài trợ hóa đơn hàng hóa;
 - Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Hàng hóa hình thành từ vốn vay là xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz mới 100% được mua trực tiếp từ Công ty Mercedes - Benz Việt Nam.
- (5) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1402-LAV-201701348 ngày 28/11/2017 của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán xe thương hiệu Mercedes và nhãn hiệu Fuso;
 - Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
 - Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo: Hàng hóa là các loại xe nhãn hiệu Fuso và nhãn hiệu Mercedes-Benz.
- (6) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0481/HDDTD2-VIB604/16 ngày 29/11/2016.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng đảm bảo số 0481.11/HDDTC2-VIB604/17.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	843.726.174.793	2.324.735.519.438	(2.206.572.568.990)	961.889.125.241
Cộng	<u>843.726.174.793</u>	<u>2.324.735.519.438</u>	<u>(2.206.572.568.990)</u>	<u>961.889.125.241</u>

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.192.796	87.671.839.987	301.378.084.702
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	25.259.011.726	25.259.011.726
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.192.796	112.930.851.713	326.637.096.428
Số dư đầu năm nay	233.424.330.000	63.704.711.919	4.249.042.783	93.236.864.600	394.614.949.302
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	37.275.753.982	37.275.753.982
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	116.709.660.000	-	-	-	116.709.660.000
Chi trả cổ tức bằng tiền trong kỳ	-	-	-	(35.013.649.484)	(35.013.649.484)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(63.704.711.919)	(4.249.042.783)	(48.755.905.298)	(116.709.660.000)
Số dư cuối kỳ	350.133.990.000	-	-	46.743.063.800	396.877.053.800

(*) Phân phối vốn chủ sở hữu theo nghị quyết Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 03 tháng 02 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

16b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	350.133.990.000	350.133.990.000	-
Cộng	350.133.990.000	350.133.990.000	-

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	233.424.330.000	142.315.340.000
+ Vốn góp tăng trong năm	116.709.660.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	350.133.990.000	142.315.340.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	151.723.309.484	-

16d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	35.013.399	23.342.433
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.013.399	23.342.433
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.013.399	23.342.433
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.013.399	23.342.433
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

16e. Cổ tức

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm. Cổ tức kỳ này được chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 03 tháng 02 năm 2018.

	Kỳ này	Kỳ trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	151.723.309.484	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	151.723.309.484	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

16f. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	93.236.864.600	87.671.839.987
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2018	37.275.754.178	25.259.011.726
Phân phối trong kỳ:		
- Tăng vốn chủ sở hữu	(48.755.905.298)	-
- Chi trả cổ tức	(35.013.649.484)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	46.743.063.996	112.930.851.713

Lợi nhuận phân phối trong kỳ, Công ty căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-HĐQT-HAX ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng quản trị.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê đất tối thiểu phải trả trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn (*) như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Từ 1 năm trở xuống	5.097.673.727	5.097.673.727
- Từ 1 năm đến 5 năm	5.908.535.818	5.908.535.818
- Trên 5 năm	1.389.223.000	1.389.223.000
Cộng	12.395.432.545	12.395.432.545

(*) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Theo Thông báo số 9100/TB-CT ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số tiền thuê 2.090 m² đất tại số 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 2.408 VND/m²/tháng từ ngày 16 tháng 5 năm 2015 đến ngày 16 tháng 5 năm 2020. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2000 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Công ty đi thuê tại 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê số 1502/2015/LK/IMI-HAXACO ngày 15 tháng 02 năm 2015, thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 với giá thuê như sau:

+ Nhà xưởng trung tâm dịch vụ máy công cụ và sân bãi: 1.500.000.000 VND/năm; và

+ Showroom, văn phòng làm việc: 180.000 USD/năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu kinh doanh xe	2.028.801.688.353	1.750.258.002.669
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	136.959.518.192	93.059.607.041
Doanh thu hoạt động khác	2.393.177.448	1.867.716.749
Cộng	2.168.154.383.993	1.845.185.326.459

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con trình bày ở thuyết minh số V.10c.

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn kinh doanh xe	1.944.690.243.930	1.707.056.957.796
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	125.624.901.203	87.291.320.520
Giá vốn hoạt động khác	1.204.055.438	87.008.181
Cộng	2.071.519.200.571	1.794.435.286.497

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	17.165.481.494	14.412.207.510
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(854.117.387)
Chi phí tài chính khác	52.834.572	20.909.661
Cộng	17.218.316.066	13.578.999.784

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	19.602.684.849	13.639.177.186
Chi phí vật liệu, bao bì	442.148.401	398.294.134
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	971.416.347	983.169.671
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.713.945.479	9.086.912.362
Thuế, phí, lệ phí	130.092.736	550.621.779
Chi phí mua ngoài	10.308.864.394	8.429.010.481
Chi phí khác bằng tiền	10.175.891.755	7.990.495.184
Cộng	51.345.043.961	41.077.680.797

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	11.717.274.785	7.690.195.337
Chi phí vật liệu quản lý	1.267.351.478	1.057.628.696
Chi phí đồ dùng văn phòng	219.663.490	184.315.977
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.602.838.035	3.000.489.904
Thuế, phí, lệ phí	68.618.517	147.675.948
Chi phí mua ngoài	414.449.542	388.366.549
Chi phí khác bằng tiền	6.236.412.704	3.862.484.108
Cộng	21.526.608.551	16.331.156.519

**7. Thu nhập khác**

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.545.040.373	2.885.049.179
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	106.167.842.750	51.270.000.003
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định	(102.622.802.377)	(48.384.950.824)
Thu nhập từ tiền thưởng đạt chỉ tiêu bán hàng và hỗ trợ từ Mercedes Benz Việt Nam	36.441.501.909	48.014.605.281
Thu nhập khác	212.554.051	2.537.935.805
Cộng	40.199.096.333	53.437.590.265

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.017.178.323	49.371.244.366
Chi phí nhân công	39.190.627.267	31.962.817.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.884.228.779	12.499.198.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.449.738.010	14.493.438.716
Chi phí khác bằng tiền	13.843.159.402	19.482.360.612
Cộng	129.384.931.781	127.809.059.776

33121
CỘNG
HỢP NHỮNG
TỔNG
HƯỞNG
5-7P.**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)****1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt^(*)

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền lương	2.157.900.000	1.836.440.000
Cổ tức bằng tiền	13.838.834.775	-
Số lượng cổ phiếu nhận được (cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu)	4.855.732	-

^(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.10, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2, V.4a, V.5, V.11, V.14.

4. Báo cáo theo bộ phận

4a. Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xe Ô tô – nhãn hiệu Mercedes Benz.

4b. Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình và tài sản cố định hữu hình trên đất để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.6 và V.8). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 584.376.581.451 VND (số đầu năm là 574.380.435.360 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Tổng Giám đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Phụ lục số 01: Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

PHỤ LỤC SỐ 01: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	56.117.977.347	23.709.614.784	119.306.887.318	3.193.662.375	2.030.065.464	204.358.207.238
2. Tăng trong kỳ	1.941.907.765	870.320.208	150.230.153.489	520.979.773	-	153.563.361.235
- Tăng do Mua sắm	1.941.907.765	870.320.208	150.230.153.489	520.979.773	-	153.563.361.235
3. Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(116.172.919.757)	-	-	(116.172.919.757)
4. Số dư cuối kỳ	58.059.885.112	24.579.934.992	153.364.121.050	3.714.642.148	2.030.065.464	241.748.648.766
<i>Trong đó: Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là</i>	12.897.359.560	8.911.014.255	400.971.018	832.370.043	135.523.803	23.177.238.679
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	21.934.729.970	13.190.799.393	4.616.181.206	2.770.140.828	1.028.137.651	43.539.989.048
2. Tăng trong kỳ	2.323.884.034	1.511.150.192	8.471.601.775	750.845.611	356.365.290	13.413.846.902
3. Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(7.095.474.626)	-	-	(7.095.474.626)
4. Số dư cuối kỳ	24.258.614.004	14.701.949.585	5.992.308.355	3.520.986.439	1.384.502.941	49.858.361.324
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	34.183.247.377	10.518.815.391	114.690.706.112	423.521.547	1.001.927.813	160.818.218.240
2. Tại ngày cuối kỳ	33.801.271.108	9.877.985.407	147.371.812.695	193.655.709	645.562.523	191.890.287.442

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính